

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**
2. Trụ sở chính: Lô 4K đường Tôn Đức Thắng – thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi
3. Điện thoại: 02553.710.321
4. Số FAX: 02553.710.313
5. Mã chứng khoán: L43
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Văn Thìn – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty.
6. Nội dung công bố: Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Lilama 45.3.
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 xin công bố Báo cáo thường niên năm 2025 được lập ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần Lilama 45.3
7. Toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2025 được đăng tải trên trang Wedsite của Công ty cổ phần Lilama 45.3 như sau :<http://www.lilama45-3.com>.

Công ty cổ phần Lilama 45.3 xin báo cáo đề Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Xin trân trọng thông báo!

Tài liệu:

- Báo cáo thường niên năm 2025 kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
NGƯỜI ĐƯỢC UỶ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Thìn

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

-----****-----



LILAMA 45.3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

NĂM 2025



MUC LUC

I.	THÔNG TIN CHUNG	
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
3.	Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.	Định hướng phát triển.....	6
5.	Các rủi ro.....	7
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	9
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2.	Tổ chức và nhân sự.....	10
3.	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư.....	13
4.	Tình hình tài chính.....	14
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	15
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	16
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
1.	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.....	21
2.	Tình hình tài chính.....	21
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý.....	24
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	24
5.	Giải trình của Ban giám đốc đối với các ý kiến kiểm toán	25
6.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	27
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	28
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	28
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	28
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	28
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	29
1.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	29
2.	Ban kiểm soát.....	35
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	38
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	39
1.	Ý kiến của kiểm toán.....	39
2.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm 34 trang đính kèm	42

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

TÊN CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400135344
Vốn điều lệ : 35.000.000.000đồng
Vốn đầu tư của CSH : 39.629.880.897đồng
Địa chỉ : Lô4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi.
Số điện thoại : 0255.3710 321
Số FAX : 0255.3710 313
Website : www.Lilama45- 3.com
Mã cổ phiếu : L43

• Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.
- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.

- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.000 đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%)

- Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.

- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp, ngày 26/04/2016 bổ sung ngành nghề kinh doanh. Thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 04 năm 2023 thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.

- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Thực hiện tái cấu trúc sở hữu theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, thời điểm hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 tỷ đồng. Trong đó: vốn nhà nước chiếm 40,83% (tương đương 1.429.000 CP), các cổ đông khác chiếm 59,17% (tương đương 2.071.000 CP).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cầu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (binh, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện

máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí; vận tải hàng hoá bằng đường bộ và vận tải hành khách đường bộ khác

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

+ Địa bàn kinh doanh:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Trụ sở/ Chi nhánh

Địa điểm

Trụ sở chính

Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi

Chi nhánh

Khu bãi chứa thiết bị và kỹ thuật Lilama tại D. Quát

Chủ yếu các công trình như: Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1, Thủy điện Trà Phong 1A, Thủy điện Đăk Mi 1.

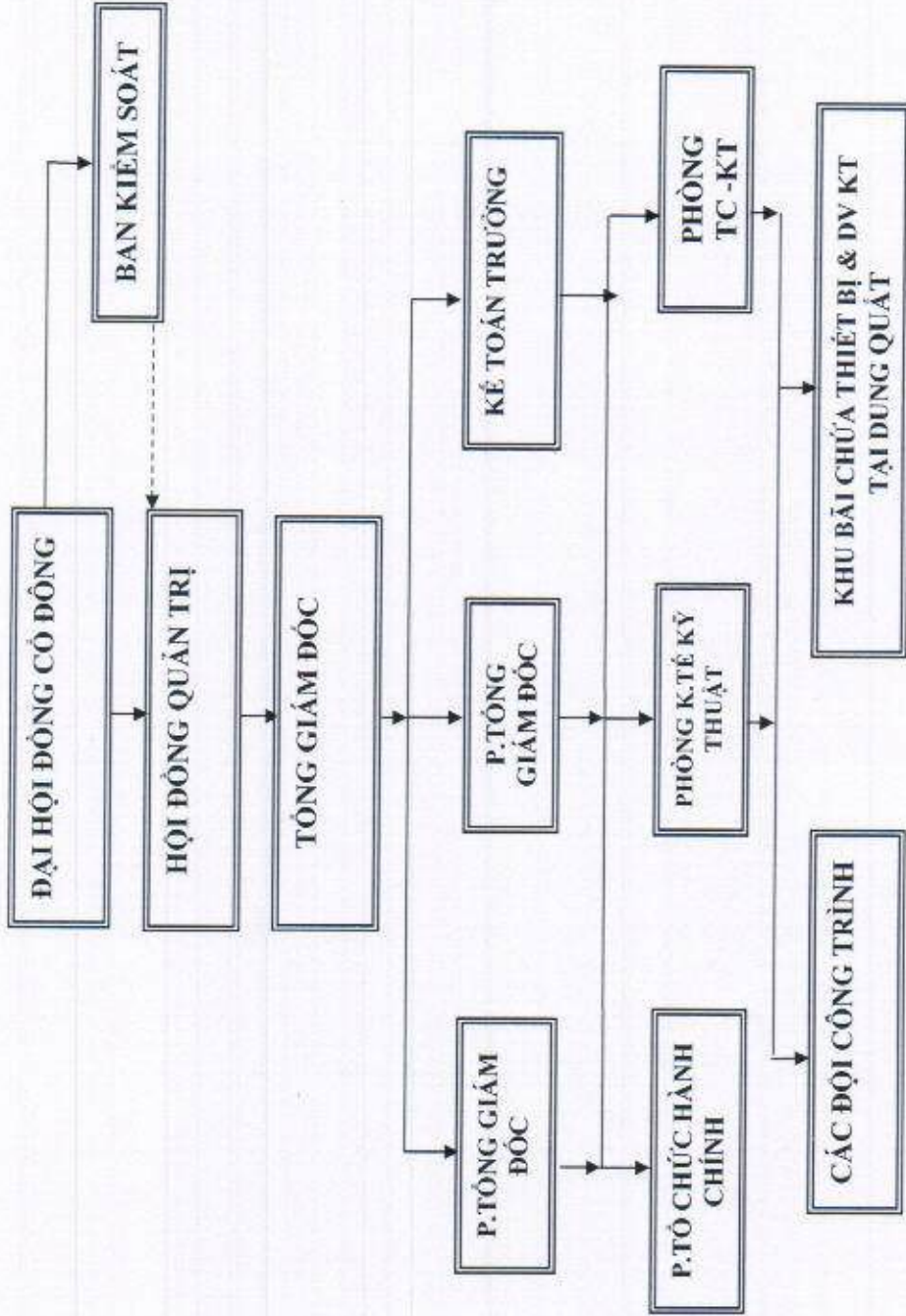
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Ghi chú:

→ Chỉ đạo

-----> Giám sát

←----- Phối hợp



3.1- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- * Đại hội đồng cổ đông:
- * Hội đồng quản trị:
- * Ban kiểm soát
- * Ban Tổng Giám đốc
- * Các bộ phận quản lý

3.2 – Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đến ngày 31/12/2025 gồm Ban Tổng Giám đốc; 03 phòng ban; 01 khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất và 01 đội công trình trực thuộc Công ty.

- + Ban Tổng Giám đốc
- + Phòng Tổ chức hành chính
- + Phòng Tài chính kế toán
- + Phòng Kinh tế kỹ thuật
- + Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất
- + 01 đội công trình trực thuộc gồm:
 - Đội công trình Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh
- + Các Công ty có liên quan
 - Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
 - Công ty dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, Công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP nắm giữ 1.429.000 cổ phần chiếm 40,83% vốn điều lệ.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

*** Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP**

Công ty nắm giữ dưới 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính: Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện...

4. Định hướng phát triển

*** Các mục tiêu chủ yếu:**

- Mục tiêu thị trường: Duy trì thị trường truyền thống gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị là chủ yếu. Phân đầu trở thành nhà thầu chế tạo và xây lắp lớn trong địa bàn Miền trung.
- Mục tiêu tài chính: Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, tối đa hoá lợi nhuận đảm bảo mức chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- Mục tiêu con người: Đào tạo và quản lý, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV công ty, giáo dục phẩm chất, tác phong trong kinh doanh của bộ phận lãnh đạo.
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có tại doanh nghiệp.
- Đảm bảo quyền lợi và thu nhập.

• Chiến lược phát triển trung và dài hạn:



• **Chiến lược phát triển kinh doanh**

Công ty tiếp tục tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là: Xây lắp và gia công chế tạo thiết bị. Xây dựng Lilama 45.3 trở thành thương hiệu mạnh trên thị trường có tiềm năng tăng trưởng và cạnh tranh.

• **Chiến lược hoàn thiện phương thức quản lý, điều hành và mô hình quản trị:**

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản trị và điều hành.
- Hoàn thiện mô hình quản lý xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, mô hình quản lý đầu tư, quản lý nhân sự, người đại diện tại đơn vị góp vốn, xây dựng cơ chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các dự án lớn.
- Xây dựng môi trường làm việc văn minh chuyên nghiệp: đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động, lợi ích của doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

• **Chiến lược tài chính:**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế của Công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong hoạt động tài chính.
- Có các giải pháp nâng cao năng lực cán bộ trong công tác tài chính, kế toán.
- Và các nội dung khác có liên quan.

* **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Xây dựng môi trường làm việc dân chủ, năng động, đảm bảo trật tự an ninh xã hội, hoạt động sản xuất không để gây ảnh hưởng đến môi trường, xã hội xung quanh, góp phần xây dựng kinh tế xã hội phát triển.

5. Các rủi ro:

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 là xây lắp và gia công chế tạo thiết bị luôn chứa đựng nhiều tiềm ẩn và rủi ro. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tăng lợi thế cạnh tranh, Công ty luôn coi việc quản lý rủi ro như một phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

5.1. Rủi ro về pháp luật:

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định về đất đai môi trường v.vv....

Do vậy trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ liên quan đến ngành Xây - lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi về chế độ chính sách của các cơ quan, ban ngành điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro đặc thù ngành và công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường

Do đặc thù ngành Xây - lắp thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn, hoạt động lắp thiết bị rất phức tạp điều kiện làm việc ngoài trời với chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó phải phụ thuộc vào tiến độ cung cấp thiết bị của Chủ đầu tư, việc bàn giao mặt

bảng của đơn vị xây dựng làm kéo dài tiến độ của hợp đồng cũng như tăng chi phí đầu vào.

Do điều kiện làm việc ngoài trời việc thi công đều ở trên cao nên nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động và độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, Công ty cần phải quan tâm đến vấn đề hướng dẫn về an toàn lao động và trang bị đầy đủ cho công nhân trên các công trường, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm, các biện pháp an toàn lao động trước khi triển khai thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công Công ty cần thực hiện mua bảo hiểm cho xe, cầu và con người trên các công trường.

Thời gian quyết toán và thu hồi vốn các công trình xây lắp thường kéo dài, tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro trong công tác thu hồi vốn cần đốc thúc khách hàng trong việc thanh toán công nợ, tránh tồn đọng công nợ.

5.3. Rủi ro về nhân sự:

Công ty cổ phần Lilama 45.3 luôn đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức nhân sự là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Tuy nhiên, không có việc làm, trả lương chậm thì khó tránh khỏi bị các đối thủ cạnh tranh trên thị trường lôi kéo.

5.4. Rủi ro về thị trường:

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo áp lực cạnh tranh gay gắt cho tất cả các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nói chung và Ngành Lắp máy nói riêng. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh, công nghệ phát triển và phương pháp quản lý khoa học, tân tiến sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước.

5.5. Rủi ro về đối tác và khách hàng.

Trước khi tham gia đấu thầu hoặc nhận thầu các dự án, Ban điều hành công ty cùng các bộ phận chủ chốt khác sẽ có đánh giá chi tiết, cụ thể tiềm lực tài chính của Chủ đầu tư, nguồn vốn cho dự án. Có thực hiện triệt để các công tác này mới đảm bảo các dự án có hiệu quả, tránh tình trạng rủi ro chủ đầu tư chiếm dụng vốn và ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn toàn công ty.

5.6. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh dịch bệnhđều ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhất là hiện nay Doanh nghiệp đồng thời đối mặt với kinh tế suy thoái, chiến tranh giữa các nước trên thế giới xảy ra tác động đến giá cả làm tăng giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giá thành các công trình, dẫn tới kết quả SXKD bị lỗ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

DVT: Triệu đồng



Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2024
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	55.433	7.342	13,2	62
2	Tổng doanh thu	54.884	7.269	13,2	62
3	Lợi nhuận trước thuế	255	(5.399)	(2.117)	78
4.	Lợi nhuận sau thuế	255	(5.399)	(2.117)	78
5.	Lỗ chuyển tiếp	(28.781)	(34.435)		
6.	Nộp ngân sách	4.943	2.044	41,4	60
7.	Đầu tư XDCB	0	0		
8.	Tổng quỹ lương	15.916	3.257	20,5	97
9.	Lao động bình quân	119	30	25,2	100
10.	Thu nhập BQ (người/tháng)	11,146	9.05	81,2	97
11.	Dự kiến cổ tức (%)	0	0		

Các chỉ tiêu SXKD năm 2025 không hoàn thành so với KH như: Doanh thu đạt 13,2% so với KH năm, Lợi nhuận trước thuế lỗ 5,399 tỷ đồng, nộp ngân sách 2,044 tỷ đồng đạt 41,4% so với kế hoạch, tổng quỹ lương đạt 20,5% so với KH, thu nhập bình quân đạt 81,2% so với KH.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Thuận lợi và khó khăn trong năm 2025:

Bên cạnh những mặt thuận lợi như: Có kinh nghiệm nhiều năm trong các lĩnh vực gia công, lắp đặt thiết bị cho các công trình Công nghiệp dân dụng, thủy điện, nhiệt điện, điện gió và luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam cùng những chính sách của Nhà nước hỗ trợ các Doanh nghiệp như: cơ cấu các khoản nợ, cùng sự nỗ lực không ngừng của HDQT, ban Tổng giám đốc và sự cảm thông chia sẻ của CBCNV - người lao động, song Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như sau:

Kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao tác động đến giá nguyên vật liệu đầu vào. Các công trình chuyển tiếp giá trị hợp đồng thấp, thị trường công việc ngày càng cạnh tranh khốc liệt, doanh thu thấp, lãi suất không giảm ảnh hưởng đến giá thành các công trình, dẫn tới kết quả SXKD bị lỗ. Công trình chống ngập tại TP Hồ Chí Minh, thủy điện Trà Phong 1A tiếp tục ngừng thi công do chưa giải quyết được nguồn vốn; trong năm Công ty cũng không ký được hợp đồng mới.

Năm 2025, các chỉ tiêu tài chính không đạt kế hoạch đề ra: Doanh thu thấp nhưng các khoản chi phí không giảm, hoặc giảm không đáng kể nhất là chi phí tài chính và chi phí QLDN, công tác thu hồi nợ đọng đạt hiệu quả thấp, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thanh toán. Áp lực đáo hạn trả nợ vay, nộp ngân sách, bảo hiểm xã hội và trả lương cho người lao động ngày càng lớn.

Công tác thanh quyết toán, công tác thu hồi nợ đọng tại các dự án cũ còn gặp nhiều khó khăn do một số Chủ đầu tư thực sự gặp khó khăn hoặc cố ý chây ỳ không thanh toán.

Công tác quản lý và điều hành còn nhiều bất cập và hạn chế, nguồn lao động có xu hướng giảm, công tác tìm kiếm việc làm ngày càng khó khăn.

2. Tổ chức và nhân sự :

* Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP
1.	Mạc Thanh Hải	TGD	1.700	0,05%
2.	Phạm Văn Thìn	PTGD	34.900	1,00%
3.	Cù Thanh Nghị	KTT	2.000	0,06%
4.	Lê Ánh Thành	Chủ tịch CĐ, kiêm TP TC-HC	0	0%

2.1 Ban Tổng giám đốc.

Ông Mạc Thanh Hải	Tổng giám đốc
Năm sinh:	16/06/1975
Nơi sinh:	Yên Thế - Bắc Giang (Đồng Kỳ - Bắc Ninh)
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Nùng
Quê quán:	Yên Thế - Bắc Giang (Đồng Kỳ - Bắc Ninh)
Địa chỉ thường trú:	Lô 49 KĐT ven sông Hoà Quý - P. Ngũ Hành Sơn - TP. Đà Nẵng.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
T11/1999 – 2000	Kỹ thuật CT NM thủy điện Đa My Công ty LM & XD 45.3
2000	Quản lý dự án Phòng KT-KT
2001	Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh
2002	Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng

2003	Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4
T08/2003 – 2004	Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng CT nhà máy thủy sản Nha Trang
2004	Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh
T11/2005 – 2008	Phó chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T01/2009 – T03/2010	Chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T04/2010 – T03/2023	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3, kiêm trưởng phòng Kinh tế - Kỹ Thuật
T04/2023 – nay	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.3.
Ông Phạm Văn Thìn	Phó Tổng giám đốc
Năm sinh:	26/12/1975
Nơi sinh:	Xã Tây Hiếu - TX Thái Hoà - Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Xuân Lam - Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
T4/2004-T11/2004	Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy & XD số 18
T12/2004-T02/2008	Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T03/2008-T07/2009	Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2009 – T07/2010	Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2010 –T07/2016	TV HĐQT - Kế toán trưởng Công ty
T07/2016 – nay	Thành viên HĐQT – Phó TGD Công ty CP LILAMA 45.3

2.2 Kế toán trưởng.

Ông Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng
Năm sinh:	19/09/1983

Nơi sinh:	Vĩnh Chân - Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Chân - Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Vĩnh Chân - Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
2004-2010	Nhân viên phòng TC-KT Công ty cổ phần Lilama 45.3
2011-T04/2016	Phó phòng TC-KT, Công ty cổ phần Lilama 45.3
05/2016 - 04/2018	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Lilama 45.3
05/2018 - 04/2023	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Lilama 45.3
04/2023 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Lilama 45.3

2.3 Chủ tịch công đoàn. Tp. Tổ chức - Hành chính

Ông Lê Ánh Thành	Thành Viên HĐQT – Tp. Tổ chức hành chính
Năm sinh:	07/03/1977
Nơi sinh:	Hải Dương (nay là Hải Phòng)
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Mao Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương (nay là Hải Phòng)
Địa chỉ thường trú:	Võ Cường, Bắc Ninh
Trình độ văn hoá:	12/12 THPT
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
T09/2001 – T05/2009	Nhân viên phòng Tổ chức – Lao động Cty CP Lilama 45.3
T05/2009 – T10/2015	Phó phòng Tổ chức – Lao động Cty CP Lilama 45.3
T10/2015 – T04/2023	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Cty CP Lilama

+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tính đến thời điểm 31/12/2025 tổng số CBCNV - Người lao động là 23 người, sử dụng lao động bình quân trong năm 30 người, trong đó lao động nữ 05 người, bộ phận gián tiếp là 23 người, thu nhập bình quân của người lao động là 9,05 tr đồng/người/tháng

+ Chính sách đối với người lao động:**• Về tiền lương và giải quyết chế độ cho người lao động:**

- Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương trên cơ sở gắn tiền lương với hiệu quả công việc và năng suất lao động. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

- Thực hiện chế độ thi nâng bậc và nâng lương, chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ hưu cho CBCNV - Người lao động trong công ty theo đúng quy định.

- Thực hiện kê khai người tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn theo quy định hiện hành, nhưng việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động còn chưa kịp thời.

*** Về công tác đào tạo:**

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ.

• Về chính sách khen thưởng:

Công ty đang bị lỗ nên không thực hiện các chính sách khen thưởng cho các cá nhân hay tập thể người lao động công ty.

• Công tác đời sống đối với CBCNV:

Do tài chính khó khăn, Công ty còn phát tiền lương chậm trễ ảnh hưởng đến đời sống của CBCNV – người lao động, có thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, tuy nhiên việc nộp chưa kịp thời ảnh hưởng đến các chế độ cho người lao động như: Ốm đau, thai sản, khám chữa bệnh.

- Đã thực hiện thăm hỏi gia đình con thương binh liệt sỹ và khen thưởng thành tích học tập cho con em cán bộ CNV - Người lao động trong Công ty.

3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:**a, Các dự án đầu tư:**

Trong kỳ không có mua sắm mới phương tiện thiết bị thi công và các dự án đầu tư khác.

b, Công ty con: Không có**c, Công ty liên kết: Không có**

4, Tình hình tài chính

DVT: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	TH 2025/2024 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	355.634.249	323.933.767	91
2	Doanh thu thuần	11.717.587	7.268.847	62
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	(7.820.289)	(16.930.070)	216
4	Lợi Nhuận khác	854.503	11.531.253	1349
5	Lợi nhuận trước thuế	(6.965.785)	(5.398.817)	77,5
6	Lợi nhuận sau thuế	(6.965.785)	(5.398.817)	77,5
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024
1.	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		0,52	2,7
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		99,48	97,3
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản		98,4	97
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		1,60	2,98
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	61	32,57
3.	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,52	0,52
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,01	1,003
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		(1,97)	(1,97)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		(74,27)	(59,45)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		(103,92)	(49,48)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		(15,43)	(19,09)

- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn (322.253 trđ/318.738 trđ) = 1,01 lần.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: $0,52 < 1$, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn thấp, hệ số thanh toán nhanh thấp do giá trị sản phẩm xây lắp dở

dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho (chiếm 48,3%/tài sản ngắn hạn) chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

- Tỷ lệ Nợ phải trả/Tổng tài sản (318.738 trđ/323.933 trđ) = 98,4%.

- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (318.738 trđ/5.195 trđ) = 61 lần.

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 3.500.000 CP (Mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{5.195.057.807}{3.500.000} = 1.484 \text{ đồng}$$

(Giá trị sổ sách = 1.484 đồng/1CP)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần tại ngày 31/12/2025:

- Mã chứng khoán L43
- Tổng số lượng cổ phần: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: không có
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

b, Cơ cấu cổ đông.

* Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ ĐĐ chốt ngày 24/03/2026 như sau:

TT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
	Tổng số lượng cổ phiếu	3.500.000	100%	287	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên	2.426.100	69,32	3	1.775.400	650.700
	- Trong nước	2.426.100	69,32	3	1.775.400	650.700
	- Ngoài nước	0				
2	Cổ đông khác	1.192.900	30,68	276	47.800	1.026.100
	- Trong nước	1.071.700	30,62	273	47.700	1.024.000
	- Ngoài nước	2.200	0,06	3	100	2.100

*** Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – TP Hà Nội	1.429.000	40,83%
2.	Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	Khu Công nghiệp Khai Quang, P Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	346.400	9,90%
3.	Trần Nguyễn Sông Hàn	260/5C Điện Biên Phủ, TP Đà Nẵng	650.700	18,59%
	Tổng cộng		2.426.100	69,32%

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e, Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

Là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, coi yếu tố môi trường là một phần quan trọng trong cung cấp dịch vụ sản phẩm của mình.

6.1. Tác động lên môi trường:

*** Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) lên môi trường của Công ty:**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 hoạt động trong lĩnh vực gia công, chế tạo và lắp đặt các công trình, do vậy lượng phát thải khí nhà kính nằm ở vùng 3: Phát thải gián tiếp, bao gồm các hoạt động của Công ty và đội công trình sử dụng như: các vật liệu mua về (chất thải rắn), sử dụng nước sinh hoạt và nước thải Công nghiệp, sử dụng nhiên liệu (khí Co₂) cho các phương tiện thiết bị thi công và giao thông công cộng. Phát thải từ lĩnh vực này tương đối nhỏ, ngoài ra ở nước ta chưa có định mức tiêu hao năng lượng cụ thể cho các ngành nghề, do vậy Công ty chưa thể xác định định mức khí thải nhà kính thải ra môi trường.

*** Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:**

+ Công ty đã sử dụng năng lượng tái tạo, như năng lượng điện mặt trời để cung cấp nguồn điện sinh hoạt nhằm giảm phát thải KNK

+ Đối với Khu kho bãi chứa thiết bị Lilama 45.3 tại Dung Quất - Quảng Ngãi và thực hiện thi công tại các địa phương, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nghiêm chỉnh thực hiện cam kết bảo vệ môi trường như sau:

- Để đảm bảo tác động của môi trường là thấp nhất, triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng điện, nước hiệu quả nhất. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc Luật bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí nhất là giai đoạn hoạt động của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải (sinh hoạt, nước mưa chảy tràn) và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý, chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường, đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, sản xuất, nguy hại...) theo đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

+ Thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường tại địa phương nơi đơn vị thi công.

+ Nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp với kỹ thuật cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng, thích ứng biến đổi khí hậu, thân thiện môi trường; tăng cường việc thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện nhiều giải pháp phù hợp về tuyên truyền nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho CBCNV người lao động; gắn việc giáo dục, động viên với chế tài, xử lý vi phạm; cán bộ, đảng viên gương mẫu trong việc bảo vệ môi trường...

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

a, Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Với ngành gia công chế tạo thiết bị: một số thiết bị được giao lại cho Nhà thầu phụ cung cấp, một số hạng mục Công ty trực tiếp gia công, nguyên liệu đầu vào chủ yếu là sắt thép, tuy nhiên trong năm 2025 Công ty không có việc mới nên không phát sinh gia công chế tạo.

b, Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Trong quá trình gia công, chế tạo thiết bị tiện, phay, bào sẽ hình thành các chất thải rắn như: Phoi thép, xỉ hàn..các chất thải này sẽ được công trình thuê đơn vị thu gom rác thải xử lý theo quy định, còn đối với thép biện pháp được kiểm kê, đánh giá lại chất

lượng, số lượng, nếu còn tận dụng sẽ nhập kho công ty để sử dụng cho các công trình sau, hoặc thép biện pháp bị gãy, hỏng, rỉ sét và sắt thép vụn do cắt gọt không tận dụng được vào sản phẩm khác sẽ được bán thanh lý theo quy định, tùy theo công trình thì lượng thép biện pháp được tái chế sử dụng, có thể từ 1% -> 5% hoặc không còn nguyên vật liệu được tái chế, chủ yếu các công trình lắp đặt hoặc chủ đầu tư cấp thiết bị.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a, Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp chủ yếu ở Công ty bao gồm: Điện sử dụng 16.600 KW.h/1năm, xăng dầu Diezen, nhớt máy: 2.000lít/năm.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp nằm tại công trình bao gồm: Điện sử dụng 12.000 KW.h/1năm, xăng dầu Diezen, nhớt máy: 1.300 lít/năm.

b, Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty đã sử dụng năng lượng điện mặt trời để cung cấp một phần cho nguồn điện sinh hoạt, điện năng đã giảm trong khoảng từ 3.000KW.h -> 5.000 KW.h (từ 20.700KW.h/năm xuống 16.600KW.h/năm).

c, Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo).

Để đạt được mục tiêu tiết kiệm điện năng đối với một số công việc gia công chế tạo thiết bị Công ty đã thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện. Đồng thời, bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế tối đa việc huy động các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn vào giờ cao điểm, không để các thiết bị điện hoạt động không tải. Bên cạnh đó, cần chú ý tắt các thiết bị điện và đèn chiếu sáng không cần thiết trong thời gian nghỉ giữa ca; triệt để tiết kiệm điện chiếu sáng sân, phòng ban, khu tập thể Công ty và công trường. Mặt khác, chuẩn bị các nguồn dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất khi xảy ra thiếu điện, xây dựng phương án tự cắt giảm phụ tải khi xảy ra thiếu điện. Công ty đưa ra một số quy định và tuyên truyền cho CBCNV thực hành tiết kiệm điện như: tiết kiệm điện tại cơ quan, công trình; tiết kiệm điện trong chiếu sáng bảo vệ, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời; thực hiện tiết kiệm điện tại nơi sản xuất gia công.

6.4. Tiêu thụ nước: Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm.

a, Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Đối với Công ty và Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 tại Dung Quất: Nguồn nước do Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Quảng Ngãi cung cấp: Năm 2025, lượng nước sinh hoạt sử dụng khoảng 1.520 m³/1 năm.

b, Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Do công ty không thuộc đơn vị sản xuất các sản phẩm như xi măng, sắt thép...nên không lắp đặt hệ thống sử dụng nước tái chế. Nguồn nước sinh hoạt được thải ra theo hệ thống nước chảy về khu xử lý nước thải của thành phố Quảng Ngãi, còn đối

với Khu bãi chứa thiết bị tại Dung Quất, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp sẽ theo hệ thống dẫn nước chảy ra khu xử lý nước thải nằm trong khu Công nghiệp Dung Quất, đối với các đội công trình tuy khu vực thi công để xử lý nước thải, công trình xa địa bàn thành phố, công trình sẽ tự xây hầm bể phốt để xử lý nước thải, hoặc nếu gần hệ thống nước thải tại các địa phương công ty sẽ có phương án lắp ống dẫn nước đến nơi để xử lý nước thải, tránh ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường xung quanh, thực hiện vệ sinh an toàn sạch sẽ tại nơi đơn vị thi công.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

a, Số lần vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Trong năm 2025 Công ty không vi phạm các quy định có liên quan đến môi trường.

b, Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị xử phạt vi phạm về vệ sinh môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động :

a, Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số CBCNV Người lao động tính đến ngày 31/12/2025 là : 23 người, thu nhập bình quân 9,05 triệu đồng/1 người.

b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

*** Các nguyên tắc đảm bảo:**

- Tuân thủ đầy đủ các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động; ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, loại trừ, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong quá trình lao động.

- Tham vấn ý kiến tổ chức công đoàn, người sử dụng lao động để xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với các chính sách và pháp luật hiện hành.

*** Các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi như sau:**

- Công ty đã trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động như: quần áo, mũ, giày, kính bảo hộ, dây an toàn trong quá trình thi công để ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp xảy ra.

- Công ty đã yêu cầu người lao động trước khi tuyển dụng lao động phải khám sức khỏe để bố trí công việc phù hợp với sức khỏe của người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (đối với người lao động bình thường ít nhất một lần trong một năm, đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, leo trèo cao thực hiện khám 6 tháng một lần).

- Trước khi nhận việc, người lao động được huấn luyện về an toàn lao động, được kiểm tra, huấn luyện bổ sung trong quá trình lao động. Các công trình đều có người quản lý, giám sát, huấn luyện, hướng dẫn về những quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong công tác triển khai thi công nhất là: làm việc trên cao, trong đường ống và trên sông nước.

- Người lao động không phân biệt giới tính, tuổi tác, nơi làm việc khi làm công việc có yếu tố nguy hại vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép thì được hưởng chế độ bồi dưỡng ăn giữa ca hoặc nhận tiền mặt.

- Các biện pháp khác: quy định về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý; người lao động có quyền từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình; Công ty phải có các phương án dự phòng xử lý sự cố, cấp cứu; vệ sinh sau khi làm việc.

c, Hoạt động đào tạo người lao động:

Nhằm hỗ trợ cho nhân viên ngày càng hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng chuyên môn và nâng cao năng suất làm việc, Công ty đã chú trọng vào công tác đào tạo, hỗ trợ kinh phí cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật như: Kỹ sư, kỹ thuật được tham gia các lớp giám sát quản lý công trình, được cấp chứng chỉ hành nghề giám sát, mở lớp học vệ sinh an toàn lao động cho người lao động. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật để đảm bảo quyền lợi khi tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

- Số giờ đào tạo trung bình: 208h/1năm, cử nhân và kỹ sư kỹ thuật : 88h/1năm, Công nhân: 120h/1năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không chỉ trau dồi thêm kỹ năng chuyên sâu phục vụ công việc còn tạo cơ hội cho nhân viên thường xuyên cập nhật các kiến thức, kỹ năng để làm việc đạt hiệu quả. Và là cơ sở để Công ty thực hiện quy trình xét duyệt nâng bậc, tăng lương, thăng chức cho cả nhân viên và đội ngũ cán bộ quản lý.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

-Trách nhiệm cộng đồng, quan tâm đóng góp cho xã hội luôn được công ty coi trọng. Trong nhiều năm qua, bên cạnh công việc kinh doanh, Công ty còn thực hiện hướng về cộng đồng bằng các hành động khác nhau như: chương trình từ thiện, thăm hỏi người già neo đơn, các gia đình mẹ Việt Nam anh hùng; chương trình “ Lá lành đùm lá rách” kịp thời ủng hộ đồng bào và gia đình người lao động bị thiên tai, bão lụt, ...nâng cao ý thức “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa” đối với gia đình CBCNV là gia đình liệt sỹ người có công với tổ quốc thông qua thăm hỏi ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7 hằng năm và trong các dịp lễ, Tết, v.v...

-Với địa bàn hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam đến các tỉnh Tây Nguyên, Công ty đã nhận được sự hỗ trợ, hợp tác, giúp đỡ của Chính quyền và nhân dân địa phương nơi đơn vị thi công. Vì vậy ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, duy trì cảnh quan xanh- sạch- đẹp và thu hút giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương, đóng góp vào sự phát triển của kinh tế địa phương thông qua nộp thuế vào ngân sách Nhà nước. Mặt khác các dự án tham gia thi công đều được thiết kế và xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và tạo thêm hàng ngàn công ăn việc làm cho lao động địa phương.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Để hướng tới hoạt động thị trường vốn xanh cần phải đạt nhiều tiêu chuẩn theo quy định của UBCKNN, giai đoạn này Công ty đang dần khắc phục tài chính nên chưa thể cung cấp các Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh. Đồng thời nội dung của báo cáo này còn tương đối mới đối với nhiều doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Lilama 45.3 nói riêng, trong việc thực hiện báo cáo minh bạch trên thị trường chứng khoán.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2024	KH năm 2025	TH năm 2025	So sánh (%)	
				TH 2025/TH 2024	TH2025/KH 2025
Tổng doanh thu	11.717	54.884	7.268	62	13,2
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	(6.965)	255	(5.399)	78	(2.117)
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	(6.965)	255	(5.399)	78	(2.117)

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 cho thấy tình hình tài chính của Công ty vô cùng khó khăn, lợi nhuận trước thuế và sau thuế bị lỗ 5,399 tỷ đồng, bốn năm liên tiếp bị lỗ, do doanh thu thấp, các khoản chi phí tài chính, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí quản lý không giảm.

Trong những năm gần đây, hoạt động SXKD của công ty thiếu ổn định do các tồn tại tài chính như: nợ tồn đọng khó đòi lớn và một số công trình mất cân đối do bị lỗ dẫn tới kết quả SXKD kém hiệu quả, dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh vẫn tạm dừng thi công, nợ ngân sách lớn, gây khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm.

2, Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản :

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

DVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	322.253	346.021	(23.768)	93,13
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	8.150	449	7.701	1.815,1
2 - Các khoản phải thu ngắn hạn	153.262	173.711	(20.448)	88,2
3 - Hàng tồn kho	155.958	167.356	(11.393)	93,18
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	1.680	9.612	(7.931)	17,47
1 - Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	
2 - Tài sản cố định	1.680	7.955	(6.275)	21,11
3 – Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	
4 – Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	
5 - Tài sản dài hạn khác		1.656	(1.656)	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	323.933	355.634	(31.700)	91,1

- Tổng tài sản cuối kỳ so với đầu năm giảm 31,7 tỷ đồng, giảm 8,91% cụ thể như sau: các khoản phải thu ngắn hạn giảm 20,448 tỷ đồng giảm 11,8% so với đầu kỳ; chi phí SXKD dở dang cuối kỳ giảm 11,393 tỷ đồng, giảm 6,82% so với đầu kỳ.

- Tài sản dài hạn giảm 7,931 tỷ đồng, giảm 82,53%, tài sản cố định giảm 6,275 tỷ đồng, giảm 78,89% do trích khấu hao và thanh lý tài sản.

- Chênh lệch giữa Giá trị sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ so với Khối lượng kiểm kê cuối kỳ đang tiềm ẩn lỗ 39,97 tỷ đồng.

- Nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trên tổng tài sản của Công ty (chiếm 95,6% tổng tài sản)

b, Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	318.738	345.040	(26.301)	92,4
1 - Nợ ngắn hạn	318.738	345.040	(26.301)	92,4
2 - Nợ dài hạn				

B – VỐN CHỦ SỞ HỮU	5.195	10.593	(5.398)	49,04
1 - Vốn chủ sở hữu	5.195	10.593	(5.398)	49,04
2- Vốn điều lệ	35.000	35.000	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	323.933	355.634	(31.700)	91,1

- Tổng nguồn vốn giảm 31,7 tỷ đồng chủ yếu do: nợ phải trả giảm 26,3 tỷ đồng giảm 7,6%; phải trả người bán giảm 20,2 tỷ đồng giảm 21,1%, phải trả ngắn hạn khác tăng 2,41 tỷ đồng, tăng 3,1% so đầu kỳ.

- Vốn chủ sở hữu giảm 5,39 tỷ đồng, giảm 49,04% so với đầu kỳ, do trong năm phát sinh lỗ 5,39 tỷ đồng.

- Hệ số nợ phải trả bằng 61 lần vốn chủ sở hữu, nợ vay ngắn, dài hạn các tổ chức tín dụng và Tổng công ty là: 124,2 tỷ đồng bằng 3,55 lần vốn điều lệ.

c, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	TH2025/TH2024 (%)
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	7.268	11.717	62
2. Giá vốn hàng bán	15.429	9.970	154,7
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	(8.160)	1.746	(467)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	0,312	0,820	38,1
5. Chi phí tài chính	4.005	4.810	83,2
- Trong đó: Lãi vay phải trả	4.005	4.810	83,2
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.764	4.757	100,2
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	(16.930)	(7.820)	216
8. Thu nhập khác	18.114	980	1.847
9. Chi phí khác	6.583	126	5.219
10. Lợi nhuận khác	11.531	854	1349
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	(5.398)	(6.965)	77,5
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(5.398)	(6.965)	77,5
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.543)	(1.990)	77,5

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 cho thấy tình hình tài chính của Công ty vô cùng khó khăn, lợi nhuận trước thuế và sau thuế bị lỗ 5,39 tỷ đồng, bốn năm liên tiếp bị lỗ, do doanh thu thấp không đủ bù đắp chi phí các khoản chi phí tài chính, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí quản lý giảm không đáng kể.

3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

Trong năm 2025 công ty không thực hiện cải tiến chính sách quản lý cũng như cơ cấu tổ chức.

4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

- **Kế hoạch phát triển năm 2026 định hướng đến 2028:**

DVT: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	TH 2024	TH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028
1.	Giá trị SXKD	11.835	7.342	44.346	41.575	45.732
2.	Tổng doanh thu	11.717	7.269	43.907	41.163	45.279
3.	Lợi nhuận trước thuế	(6.965)	(5.399)	241	245	367
4.	Lợi nhuận sau thuế	(6.965)	(5.399)	241	245	367
5.	Chuyển lỗ (-) hoặc lãi (+) lũy kế	(29.036)	(34.435)	(34.194)	(33.949)	(33.583)
6.	Nộp ngân sách	3.388	2.044	4.992	5.042	5.093
7.	Đầu tư XDCB	0	0			

- **Nhận định chung trong năm 2026.**

Bước sang năm 2026, theo nhận định của Hội đồng quản trị: hoạt động SXKD của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thử thách, các dự án nhận thầu ngày càng ít, năng lực tài chính yếu khó tiếp cận các dự án mới, công trình chuyển tiếp có giá trị thấp, trên cơ sở rà soát các hợp đồng chuyển tiếp, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	44.346	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	43.907	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	241	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	241	
5	Chuyển lỗ (-) hoặc lãi (+) lũy kế	Triệu đồng	(34.194)	
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	4.992	
7	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	0	

8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	12.733
9	Lao động bình quân	Người	105
10	Thu nhập BQ (người/tháng)	Triệu đồng	10,11
11	Dự kiến cổ tức	%	0

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số: 250326.008/BCKT.KT2 ngày 25/03/2026 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã nhận xét về số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Lilama 45.3 như sau:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

1. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để khẳng định tính phù hợp của số dư tiền mặt tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với khoản mục này và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

2. Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các vấn đề: tính chính xác của các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; khả năng thu hồi công nợ phải thu quá hạn thanh toán; Các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ; ghi nhận thiếu chi phí lãi vay. Công ty chưa khắc phục được những vấn đề nêu trên nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty. Cụ thể như sau:

2.1 Tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025, chúng tôi chưa thu thập được biên bản đối chiếu, xác nhận của một số khoản công nợ. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể khẳng định được tính đầy đủ, hiện hữu của các khoản mục sau:

Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
- Phải thu khách hàng	131	64,637 tỷ VNĐ	88,271 tỷ VNĐ
- Trả trước cho người bán	132	2,944 tỷ VNĐ	3,133 tỷ VNĐ
- Phải thu ngắn hạn khác	311	11,945 VNĐ	3,091 VNĐ
- Phải trả người bán	311	66,632 tỷ VNĐ	90,432 tỷ VNĐ
- Người mua trả trước	312	2,885 tỷ VNĐ	3,069 tỷ VNĐ
- Phải trả ngắn hạn khác	319	36,325 tỷ VNĐ	51,126 tỷ VNĐ
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		65,882 tỷ VNĐ	

2.2. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác cũng như giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 với tổng số tiền là 155,958 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2025 là 167,321 tỷ VND). Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

2.3. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của toàn bộ các khoản công nợ phải thu với tổng số tiền là 153,262 tỷ VND đang được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu của Công ty tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025.

2.4. Công ty đang ghi nhận thiếu chi phí lãi vay năm 2023, năm 2024 và năm 2025 với cùng số tiền là 7,9 tỷ VND. Điều này dẫn đến trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, năm 2024 và năm 2025 chỉ tiêu "Chi phí tài chính" đang được ghi nhận thấp hơn và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" đang được ghi nhận cao hơn với cùng số tiền là 7,9 tỷ VND. Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" đang được ghi nhận thấp hơn và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang được ghi nhận cao hơn với cùng số tiền lần lượt là 15,8 tỷ VND và 23,7 tỷ VND.

3. Công ty chưa ghi nhận tiền phạt chậm nộp thuế theo thông báo tiền thuế nợ của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi với số tiền là 665.515.863 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2025 trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh cao hơn với cùng số tiền tương ứng nêu trên.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Lilama 45.3 xin giải trình với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

1. Đối với quỹ tiền mặt trong năm Công ty có thực hiện việc bán thanh lý tài sản để thực hiện nghĩa vụ ngân sách giải quyết các quyết định cưỡng chế. Tuy nhiên do vướng mắc một số thủ tục pháp lý liên quan đến thanh lý chuyển nhượng tài sản nên việc

thanh lý chuyên nhượng chưa hoàn thành và số tiền đặt cọc công ty chúng tôi đang tạm treo chưa thể sử dụng.

2. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 01/01/2025 với tổng số tiền là 167,321 tỷ đồng và tại thời điểm 31/12/2025 với tổng số tiền là 155,958 tỷ đồng, bao gồm chi phí SXKD dở dang của một số công trình sau: Công trình Hangar A75, phát sinh khối lượng chưa được bù giá, chưa có phương án xử lý tài chính là: 60,9 tỷ đồng; Công trình Gang thép Thái Nguyên, dự án đang vướng giữa Chủ đầu tư và Tổng thầu MCC Trung Quốc nên công ty chưa quyết toán được dự án, hàng năm vẫn phát sinh các khoản chi phí lương bảo vệ và các khoản chi phí khác, do vậy chi phí SXKD dở dang còn treo 26,7 tỷ đồng, dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh đang tạm ngừng thi công do chưa tháo gỡ được nguồn vốn nên chi phí SXKD còn 68,284 tỷ đồng. Công ty cố gắng phối hợp với Chủ đầu tư tháo gỡ vướng mắc, nghiệm thu lên hồ sơ thanh toán, kết chuyển doanh thu và công nợ phải thu, giảm chi phí SXKD dở dang cuối kỳ. Vì nhiều nguyên nhân khách quan như việc dự án gang thép Thái Nguyên dừng triển khai từ 2012 đến nay chưa có phương án xử lý, đặc biệt là việc giải ngân vốn của dự án chưa có cách tháo gỡ nên đến hết 31/12/2025 việc nghiệm thu thanh toán để giảm chi phí SXKD dở dang cuối kỳ đã không thực hiện được. Dự án giải quyết ngập do triều khu vực Tp. HCM đầu năm 2026 đã triển khai lại và kế hoạch nghiệm thu bàn giao trong năm 2026, sau khi nghiệm thu bàn giao quyết toán công trình sẽ kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh vào giá thành công trình.

- Việc đánh giá về khả năng thu hồi nợ: Trong năm công ty cũng đã thu hồi một số công nợ so với đầu kỳ giảm nợ phải thu gần 20 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện việc khởi kiện, thi hành án với một số công ty không hợp tác trong việc thanh toán như: Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai; Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư Thanh Hoa, Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà... với tổng giá trị: 28 tỷ đồng. Các chủ đầu tư còn hợp tác trong việc thanh toán Ban Tổng giám đốc thường xuyên chỉ đạo và điều động nhân viên thực hiện các biện pháp thu hồi. Tuy nhiên còn một số dự án đang gặp nhiều vướng mắc khách quan nên Công ty cũng không chủ động được trong việc xử lý nợ phải thu như: Công ty Gang thép Thái Nguyên 34,5 tỷ đồng (*lý do đã nêu ở trên*); Tập đoàn Zephu Trung quốc đang nợ dự án thủy điện Bắc Mê và thủy điện Đăk Pô Cô, số tiền: 3,8 tỷ đồng, Công ty đã gửi mail và đề nghị thanh toán nhưng nhà thầu phản hồi lại chưa nhận được thanh toán từ chủ đầu tư; dự án giải quyết ngập do triều khu vực Tp. Hồ Chí Minh đang tạm dừng thi công.

- Do chủ đầu tư và một số khách hàng chưa gửi kịp đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2025 về cho công ty trong thời gian kiểm toán, một số đơn vị cố tình không ký xác nhận công nợ để hạn chế việc kiện tụng nên chưa thể cung cấp đầy đủ cho công ty kiểm toán, chúng tôi đang tiếp tục liên hệ với các Chủ đầu tư và khách hàng còn chưa gửi đối chiếu công nợ, đề nghị gửi về phòng tài chính kế toán công ty, sau khi đối chiếu ký xác nhận công nợ sẽ gửi lại cho Công ty kiểm toán theo đúng quy định.

- Đối với khoản chi phí lãi vay theo ý kiến kiểm toán chưa hạch toán 7,9 tỷ đồng. Đây là khoản lãi vay của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam phục vụ dự án giải quyết ngập do triều khu vực Tp. Hồ Chí Minh. Trong thời gian dự án dừng thi công, để hoàn thành các hạng mục còn dang dở Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam đã ký biên bản làm việc 3 bên với Công ty TNHH Trung Nam BT 1547 (thuộc Trung Nam Group) và Lilama 45.3 về việc vay vốn thi công dự án. Nguồn trả nợ từ khối lượng thanh toán của dự án giải quyết ngập do triều khu vực Tp. Hồ Chí Minh và chi phí lãi vay sẽ được tính vào chi phí phát sinh. Do dự án dừng thi công quá lâu từ tháng 08 năm 2020 đến thời điểm hiện tại nên chi phí lãi vay phát sinh rất lớn, trong khi những năm qua doanh thu của công ty thấp không thể bù đắp được chi phí nên HĐQT công ty yêu cầu làm việc với Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam và Công ty TNHH Trung Nam BT 1547 để dừng tính lãi vay. Trên cơ sở làm việc 3 bên Công ty đã có văn bản về việc dừng tính lãi kể từ tháng 01/2023, mặc dù Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam và Công ty TNHH Trung Nam BT 1547 chưa có văn bản trả lời nhưng cũng chưa thống nhất số liệu lãi vay. Thêm nữa năm 2024 Công ty cổ phần đầu tư Trung Nam đã ký phụ lục lãi suất 0% áp dụng từ 01/01/2024 nhưng Công ty chúng tôi chưa thống nhất được số liệu về lãi vay cũng như chi phí phát sinh trong thời điểm dừng thi công, bởi vậy Công ty đã không ghi nhận khoản chi phí lãi này.

3. Đối với việc chưa ghi nhận tiền phạt chậm nộp theo thông báo tiền nợ thuế của thuế tỉnh Quảng Ngãi. Tại thời điểm báo cáo trên sổ kế toán Công ty thì đối với thuế Quảng Ngãi công ty chúng tôi không nợ gốc (đã thanh toán dư tiền thuế theo hạch toán), thực tế khoản nợ này là nợ các thuế vãng lai nhưng vẫn kê khai tại thuế nơi công ty đăng ký trụ sở làm việc. Từ việc các chủ đầu tư không thanh toán dẫn đến công ty không có nguồn để thực hiện nghĩa vụ với các thuế vãng lai (nơi có công trình công ty thi công). Từ đó khoản thuế vãng lai thành nợ cả thuế nơi thi công và thuế chính nơi công ty đăng ký trụ sở (trùng thuế). Vì lý do đó nên công ty chưa hạch toán khoản chậm nộp trên, nếu hạch toán thì số nợ ngân sách giữa thông báo thuế và sổ kế toán sẽ không khớp nhau.

Trên đây là nội dung giải trình cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Lilama 45.3.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: đa số người lao động của Công ty có ý thức tổ chức, kỷ luật lao động tốt, tay nghề vững vàng. Tuy nhiên có một số ít người lao động tay nghề còn hạn chế nên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc của công ty.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: bên cạnh việc thúc đẩy kế hoạch sản xuất kinh doanh sao cho hiệu quả, chăm lo đời sống cho CBCNV - người lao động, Công ty cũng chú trọng đến các hoạt động cộng đồng địa phương nơi trụ sở chính và nơi đơn vị thi công với hành động thiết thực như giao lưu văn hoá thể thao hay ủng hộ các trường hợp gặp khó khăn trên tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “uống nước nhớ nguồn”.

- Để thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, công ty sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp để bảo vệ môi trường, thực hiện theo các Quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2025, HĐQT đã họp 09 phiên vào từng quý và bất thường, một số buổi họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và các Trưởng phòng ban.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 25/04/2025, việc tổ chức Đại hội tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

+ Đã thực hiện họp kiểm điểm Tổ đại diện phần vốn của Tổng công ty, tổ chức và các cá nhân liên quan đến kết quả SXKD năm 2025, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026.

+ Chỉ đạo và đôn đốc Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tuy nhiên Công ty đã không hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025, những tồn tại về tài chính chưa được tháo gỡ, công tác thanh quyết toán hai dự án: Hangar A75 và Nm gang thép Thái Nguyên kéo dài chưa có phương án giải quyết, còn nợ ngân sách và BHXH giá trị lớn.

+ Đã chỉ đạo công tác rà soát các quy chế, quy định phù hợp với chế độ chính sách hiện hành nhằm tăng cường công tác quản lý mọi mặt hoạt động của Công ty.

+ Đã lựa chọn Công ty kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2025 theo đúng quy định và đã chỉ đạo công bố thông tin đúng hạn Báo cáo thường niên năm 2024 các báo cáo, các thông tin theo đúng Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

+ Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng mức đã trình trong Đại hội cổ đông năm 2025.

+ Đã thực hiện nghiêm túc báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo các nội dung theo đúng Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đầu tư vào doanh nghiệp khác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

+ Các chỉ tiêu SXKD năm 2025 không hoàn thành so với KH như: Doanh thu đạt 13,2% so với KH năm, Lợi nhuận trước thuế lỗ 5,399 tỷ đồng, nộp ngân sách 2,044 tỷ đồng đạt 41,4% so với kế hoạch, tổng quỹ lương đạt 20,5% so với KH, thu nhập bình quân đạt 81,2% so với KH.

- Việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đang có chiều hướng đi xuống, chưa sâu sát, chưa kiểm soát được chi phí, công tác thu hồi công nợ kém hiệu quả nên dòng tiền thu về không đủ đáp ứng cho thi công và chi trả các khoản tiền lương, lãi vay, đáo hạn ngân hàng, nộp tiền ngân sách và BHXH cho người lao động.

- Kết quả SXKD tiếp tục lỗ, tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro, dẫn tới sự phát triển của Công ty đang có dấu hiệu không bền vững.

- Đối với các hoạt động khác: Quy trình hoạt động của công ty về cơ bản tuân theo quy định của pháp luật về ký Hợp đồng lao động, thực hiện đăng ký đóng BHXH cho người lao động. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội: Công tác Đảng, Công Đoàn, Ban nữ công có tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước và Luật doanh nghiệp.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2026, HĐQT tiếp tục chỉ đạo công ty hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra; các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo đúng quy định của điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau :

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc.

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.

- Thực hiện điều chỉnh Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị theo tình hình thực tế.

- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty.

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT

Ông Hoàng Việt	Chủ tịch HĐQT
Năm sinh:	21/09/1973
Nơi sinh:	Phường Hương Sơn, T. Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây (Tp. Hà Nội)
Địa chỉ thường trú:	Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác 03/1998 – 09/1999	Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3

09/1999 – 12/2000	Trưởng phòng KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
01/2001 – 04/2006	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 07/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3
08/2009 – 10/2015	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty.
10/2015 – 04/2023	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty
04/2023 – Nay	Chủ tịch HĐQT công ty
Ông Bùi Quốc Vương	Thành viên HĐQT
Năm sinh:	04/02/1974
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 7 phường Tân Lập – T. Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Tổ 17 P.Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
T08/1996 – 1998	Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1
1999 – 2000	Kỹ sư GS - biệt phái cho T Cty tại CT NM xi măng Nghi Sơn - Thanh Hoá
2000 – 2002	Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002 – 2003	Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý LILAMA tại Dung Quất
2003 – 2006	Chỉ huy trưởng tại Công trình NM xi măng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7
2006 - 09/2009	Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất
10/2009 - 05/2010	Phó phòng tổ chức LĐ Cty Cổ phần LILAMA 45.3
06/2010 - 10/2015	Thành viên HĐQT Trưởng phòng Tổ chức HC Công ty CP LILAMA 45.3
10/2015 - 04/2023	Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 45.3
04/2023 – Nay	Thành viên HĐQT công ty
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)

Ông Mạc Thanh Hải	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)
Ông Lê Ánh Thành	Thành Viên HĐQT – Tp. Tổ chức hành chính (đã nêu ở Ban điều hành)

(* Ghi chú: Trong năm 2025 không có sự thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 24/03/2026	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Hoàng Việt	CT HĐQT	15.000	0,43	55.000	1,57
2.	Mạc Thanh Hải	TV HĐQT			1.700	0.05
3.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	10.000	0,28	34.900	1,00
4.	Bùi Quốc Vương	TV HĐQT	0	0	0	0
5.	Lê Ánh Thành	TV HĐQT	0	0	0	0

b, Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi công công trình, trong quản lý tài chính, tuy nhiên vì tình hình khó khăn chung nên các chỉ tiêu tài chính giảm rất nhiều so với các năm trước và bị lỗ so với kế hoạch đã đề ra. Hội đồng quản trị Công ty đã kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng và các giải pháp để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD. Trong năm 2025 các Nghị quyết, quyết định được đưa ra như sau:

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	09/2025/NQ-HĐQT	17/02/2025	-Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông thời gian và địa điểm dự kiến tổ chức Đại hội cổ đông; Thành lập	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự

			Ban chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2025.	
2.	14/2025/NQ-HĐQT	24/02/2025	- Thông qua chủ trương thanh lý tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền thuê đất của Khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 Dung Quất tại Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi. - Triển khai công tác chuẩn bị các danh mục tài liệu và phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong Ban chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
3.	20/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT năm 2024; Kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2025.	20/2025/NQ-HĐQT
			- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán soát xét).	
			- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD năm 2024, kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2025.	
			- Thông qua báo cáo thường niên năm 2024.	
			- Thông qua thời gian Đại hội cổ đông năm 2025 và thông qua nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2025.	
4.	38/2025/NQ-HĐQT	06/05/2025	- Thông qua việc thanh lý tài sản trên đất tại khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 Dung Quất.	05/05 đạt 100% tỷ lệ tham dự
5.	43/2025/NQ-HĐQT	30/06/2025	- Thông qua chủ trương đầu tư mua đất và xây dựng trụ sở làm việc mới của Công ty tại Tỉnh Quảng Ngãi.	05/05 đạt 100% tỷ lệ tham dự
6.	51/2025/NQ-HĐQT	16/11/2025	- Thông qua chấm dứt dự án Khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 Dung Quất.	05/05 đạt 100% tỷ lệ tham dự
7.	55/2025/NQ-HĐQT	08/12/2025	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán và mức phí kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2025.	05/05 đạt 100% tỷ lệ tham dự
8.	60/2025/NQ-HĐQT	30/12/2025	- Thông qua việc áp dụng mức lương tối thiểu vùng mới theo Nghị định số	05/05 đạt 100% tỷ lệ

			293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ vào hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty cổ phần Lilama 45.3	tham dự
II.	CÁC QUYẾT ĐỊNH			
1.	12/CT-HĐQT	18/02/2025	- Thành lập Ban chuẩn bị công tác tổ chức Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Lilama 45.3 năm 2025.	
2.	52/2025/QĐ-HĐQT	16/11/2025	- Chấm dứt dự án Khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 Dung Quất	
3.	61/2025/QĐ-HĐQT	30/12/2025	- Về việc Áp dụng mức lương tối thiểu vùng mới theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ vào hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Lilama 45.3	

d, Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.
- Thường xuyên cùng Ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.
- Có ý kiến kịp thời với Ban Tổng giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

c, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng giao khoán.

f, Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Hoàng Việt	Chủ tịch HĐQT
2.	Mạc Thanh Hải	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

3.	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Phó tổng GĐ
4.	Bùi Quốc Vương	Thành viên HĐQT
5.	Lê Ánh Thành	Thành viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

+ Bà: Phạm Thị Bích Hà	Trưởng Ban kiểm soát
+ Ông: Trần Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
+ Ông: Phạm Công Huy	Thành viên Ban kiểm soát

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Bích Hà (*)	Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh:	11/01/1975
Nơi sinh:	Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Tô Hiệu, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
Địa chỉ thường trú:	Tổ 21 phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ kế toán .
Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1998 đến T12/2010	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2016	Phó phòng TC-KT- Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 04/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát – PP Kinh tế - Kỹ thuật
Năm sinh:	1974
Nơi sinh:	Kim Xuyên – Sơn Dương – Tuyên Quang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Đông - Lập Thạch – Vĩnh Phúc

Địa chỉ thường trú:	229 Lê Duẩn, TP.Tuy Hoà, Phú Yên (P. Tuy Hoà, tỉnh Đăk Lăk)
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
T5/1996-T6/1996	Nhân viên P. Kỹ thuật – Công ty Lắp máy và XD 45-3
T6/1996-T8/1997	Kỹ thuật thi công Nhà máy đường Yaunpa – Gia Lai
T9/1997-T6/1998	Nhân viên P. KT - KT Công ty Lắp máy và XD 45-3
T7/1998-T4/1999	Đội phó đội CT Nmáy TĐ Sông Hình – Phú yên
T5/1999-T11/1999	Kỹ thuật thi công Nm thủy điện Đa Mi – Hàm Thuận
T12/1999-T2/2001	Kỹ thuật thi công Nm đường Cam Ranh Khánh Hòa.
T3/2001-T 7/2002	NV P.Kinh tế - Tiếp thị, Công ty Lắp máy & XD 45-3.
T8/2002-T10/2003	Nhân viên Phòng KH Đầu tư – Cty LM & XD 45-3
T11/2003-T4/2005	Nhân viên P.KT- KT – Công ty LM & XD 45.3
T5/2005 – Nay	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.3

Ông: Phạm Công Huy

Thành viên Ban kiểm soát – chuyên viên phòng TCKT Tổng công ty LM Việt Nam – CTCP

Năm sinh:	1995
Nơi sinh:	Sơn Hà, Hữu Lũng, Lạng Sơn
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Hà, Hữu Lũng, Lạng Sơn
Địa chỉ thường trú:	Sơn Hà, Hữu Lũng, Lạng Sơn
Trình độ văn hoá:	12/12 THPT
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ kế toán
Quá trình công tác:	
2017-2020	Trợ lý kiểm toán - Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC
2020- nay	Kế toán viên – Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP

Ghi chú: (*) ():** Trong tháng năm 2025 Công ty cổ phần Lilama 45.3 không có sự thay đổi về nhân sự Ban kiểm soát.



b, Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2025 Ban kiểm soát tổ chức 05 buổi họp, làm việc với HĐQT và Ban tổng giám đốc, tham gia cùng HĐQT, ban điều hành và các phòng ban liên quan sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ theo đúng quy định.

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Tuy Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề có liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty. Tuy nhiên tại các cuộc họp Ban kiểm soát cũng luôn lưu ý và kiến nghị Hội đồng quản trị Công ty về các vấn đề có liên quan. Đến thời điểm này, Ban kiểm soát chưa nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề có liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty. Tuy nhiên qua theo dõi thực trạng tài chính tại Công ty, Ban kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính vô cùng khó khăn, còn nợ 02 tháng tiền lương của Người lao động, không có hợp đồng mới để có việc làm cho người lao động, gây tâm lý bất ổn và xáo trộn nguồn lao động ảnh hưởng lớn hoạt động của doanh nghiệp, ngoài ra tại các buổi làm việc với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc công ty về kiểm tra báo cáo tài chính các kỳ kế toán, Ban kiểm soát luôn có ý kiến và kiến nghị đề Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch SXKD trong năm.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đội công trình, các cổ đông trong và ngoài Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh các vấn đề có liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên, tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

Định kỳ 06 tháng và cả năm 2025, căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính và có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những nhận xét kiến nghị đối với HĐQT về diễn biến tình hình hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2025 và đều có Biên bản làm việc.

c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 24/03/2026	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	5.800	0,17	1.700	0,05

2	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	38.000	1,08	0	0
3	Phạm Công Huy	TV BKS	0	0	0	0

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a, Quy định mức Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát cho năm 2025.

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương và thù lao tối đa (đ/người/tháng)	Số tháng /năm	Thành tiền (đồng)
I.	Hội đồng quản trị				
1,	Chủ tịch HĐQT – chuyên trách	01	20.000.000	12	240.000.000
2,	Thành viên HĐQT – chuyên trách	01	12.000.000	12	144.000.000
3,	Thành viên HĐQT – kiêm nhiệm	03	2.300.000	12	27.600.000
II.	Ban kiểm soát				
1,	Trưởng BKS chuyên trách	01	10.000.000	12	120.000.000
2,	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	1.750.000	12	21.000.000
III.	Thư ký HĐQT	01	1.210.000	12	14.520.000

b, Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2025:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, TN và thù lao năm 2025 (VNĐ)		
			Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng
1.	Hoàng Việt	CT HĐQT	239.657.728		239.657.728
2.	Mạc Thanh Hải	TV HĐQT	215.769.817	27.600.000	243.369.817
3.	Bùi Quốc Vương	TV HĐQT	146.087.727		146.087.727
4.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	192.235.909	27.600.000	219.835.909
5.	Lê Ánh Thành	TV HĐQT	180.293.636	27.600.000	207.893.636
6.	Phạm Thị Bích Hà	TB K.soát	120.318.682		120.318.682

7.	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	179.549.091	21.000.000	200.549.091
8.	Phạm Công Huy	TV BKS	0	21.000.000	21.000.000
9.	Nguyễn Thị Lệ Thu	TK HĐQT	134.698.182	14.520.000	149.218.182
	Tổng cộng :		1.408.610.772	139.320.000	1.547.930.772

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán tại ngày 31/12/2025 bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

1, Ý kiến của kiểm toán

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

1. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để khẳng định tính phù hợp của số dư tiền mặt tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với khoản mục này và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

2. Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các vấn đề: tính chính xác của các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; khả năng thu hồi công nợ phải thu quá hạn thanh toán; Các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ; ghi nhận thiếu chi phí lãi vay. Công ty chưa khắc phục được những vấn đề nêu trên nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty. Cụ thể như sau:

2.1 Tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025, chúng tôi chưa thu thập được biên bản đối chiếu, xác nhận của một số khoản công nợ. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể khẳng định được tính đầy đủ, hiện hữu của các khoản mục sau:

Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
- Phải thu khách hàng	131	64,637 tỷ VNĐ	88,271 tỷ VNĐ
- Trả trước cho người bán	132	2,944 tỷ VNĐ	3,133 tỷ VNĐ
- Phải thu ngắn hạn khác	311	11,945 VNĐ	3,091 VNĐ
- Phải trả người bán	311	66,632 tỷ VNĐ	90,432 tỷ VNĐ

- Người mua trả trước	312	2,885 tỷ VND	3,069 tỷ VND
- Phải trả ngắn hạn khác	319	36,325 tỷ VND	51,126 tỷ VND
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		65,882 tỷ VND	

2.2. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác cũng như giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 với tổng số tiền là 155,958 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2025 là 167,321 tỷ VND). Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

2.3. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của toàn bộ các khoản công nợ phải thu với tổng số tiền là 153,262 tỷ VND đang được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu của Công ty tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025.

2.4. Công ty đang ghi nhận thiếu chi phí lãi vay năm 2023, năm 2024 và năm 2025 với cùng số tiền là 7,9 tỷ VND. Điều này dẫn đến trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, năm 2024 và năm 2025 chỉ tiêu "Chi phí tài chính" đang được ghi nhận thấp hơn và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" đang được ghi nhận cao hơn với cùng số tiền là 7,9 tỷ VND. Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" đang được ghi nhận thấp hơn và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang được ghi nhận cao hơn với cùng số tiền lần lượt là 15,8 tỷ VND và 23,7 tỷ VND.

3. Công ty chưa ghi nhận tiền phạt chậm nộp thuế theo thông báo tiền thuế nợ của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi với số tiền là 665.515.863 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2025 trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh cao hơn với cùng số tiền tương ứng nêu trên.

Theo ý kiến của kiểm toán: Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (đính kèm).

Quý cổ đông quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty theo đường link: <http://www.lilama45-3.com>

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3



TỔNG GIÁM ĐỐC
Mạc Khanh Hải